

Trường THCS Lý Thường Kiệt  
Tổ: Văn – LS&ĐL - GDCD

Họ và tên GV: Hoàng Văn Toán  
Lớp dạy: 9A1,2,3

## BÀI 1: THẾ GIỚI KÌ ẢO

Môn: Ngữ văn 9; Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 01 ->12)

TUẦN 2

TIẾT PPCT: 5, 6

VĂN BẢN

### ĐỀ CHỌI

*Bồ Tùng Linh*

#### I. Mục tiêu

##### 1. Năng lực

##### 1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh thấy được cách sử dụng các yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, vai trò của yếu tố kì ảo đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm.
- Học sinh nắm bắt được diễn biến của câu chuyện mà trọng tâm là số phận của nhân vật chính gắn với trò chơi chọi đế, qua đó, biết đánh giá giá trị hiện thực và ý nghĩa phê phán của tác phẩm.

**1.2. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm. Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

**2. Phẩm chất:** Trung thực trong các mối quan hệ ứng xử; yêu quý, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.

**- Lòng ghép QP&AN:** Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### II. Thiết bị dạy học và học liệu

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Kế hoạch bài dạy (giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật dạy học; tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 9 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

#### III. Tiến trình dạy học

##### 1. Hoạt động: Xác định vấn đề

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp gợi mở, vấn đề. Phương pháp đàm thoại, thuyết trình.

**c. Sản phẩm:** Trao đổi, chia sẻ giữa học sinh với học sinh và học sinh với giáo viên.

##### d. Tổ chức thực hiện

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>  <b>GV1:</b> Chiếu cho HS xem video về Chọi đế - cuộc chiến giữa hai thế hệ  <a href="https://www.youtube.com/watch?v=zvRH4GQQILc">https://www.youtube.com/watch?v=zvRH4GQQILc</a>  <b>GV2:</b> Sau khi xem xong video, em có suy nghĩ gì về trò chơi chọi đế này? Theo em, hậu quả của việc một ông vua lại mê chơi trò chọi đế này như thế nào?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b>            GV cho HS xem Video xong sau đó gọi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi và có thể gọi 2 - &gt; 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b>            GV gọi 2 -&gt; 3 HS chia sẻ những suy nghĩ, những trải nghiệm của bản thân để cảm nhận được hậu quả của việc một ông vua lại mê chơi trò chọi đế.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b>            GV lắng nghe từ những câu chuyện chia sẻ của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.  <b>GV ghi tên bài học lên bảng</b></p>	<p>→HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân về trò chơi chọi đế và suy nghĩ đến hậu quả của việc một ông vua lại mê chơi trò chọi đế.</p> <p><b>Giới thiệu bài mới:</b> Lấy cảm hứng từ một trò chơi dân gian – chọi đế, nhà văn Bồ Tùng Linh thông qua tác phẩm <b>Đế chọi</b> đã phản ánh một hiện thực khốc liệt, đen tối của xã hội phong kiến quân chủ chuyên chế với nhiều áp bức, bất công. Ở bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu kiến thức về những đặc trưng của thể truyền kì thông qua tác phẩm này nhé!</p>

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản**

- a. Mục tiêu:** Hiểu được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc văn bản và hiểu nghĩa của 1 vài từ ngữ khó trong văn bản.
- b. Nội dung:** Hướng dẫn HS đọc văn bản, phương pháp thuyết trình, đàm thoại, gọi mở, hợp tác.
- c. Sản phẩm học tập:** Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời của học sinh .
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1</b>  <b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>            GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản , đọc mẫu 1 đoạn đầu sau đó gọi HS đọc phần còn lại của văn bản.(Chú ý khi đọc cần phải có giọng đọc to, rõ ràng, điều chỉnh</p>	<p><b>I. Đọc tiếp xúc văn bản</b>  <b>1. Đọc văn bản</b></p>

<p>âm lượng, tốc độ đọc vừa phải để có sự suy ngẫm..). Trong khi đọc cần sử dụng các chiến lược: <i>theo dõi, dự đoán, đối chiếu</i>.</p> <p><b>GV</b> cho HS đọc những từ ngữ khó dưới chân trang SGK tr 18, 19, 20, 21.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b>  <b>GV</b> đọc mẫu phần 1 từ đầu -&gt; <b>tới việc tự tử</b> (Phần 2 tiếp -&gt; <b>bắt để bỏ vào lồng</b>; phần 3 <b>còn lại</b>), gọi HS đọc thành tiếng 2 phần còn lại của văn bản.</p> <p><b>GV</b> theo dõi HS đọc và hỗ trợ cho những HS đọc chưa trôi chảy và còn sai một số từ ngữ để điều chỉnh kịp thời.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b>  <b>GV</b> đọc đoạn 1 từ đầu -&gt; <b>tới việc tự tử</b>, gọi 2 HS đọc 2 phần còn lại của văn bản.  <b>GV</b> gọi 1 vài HS nhận xét cách đọc văn bản của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b>  <b>GV</b> nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p><b>Nhiệm vụ 2</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>  <b>GV</b> cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm (<i>SGK tr 22</i>)  <b>GV</b>: Qua phần đọc về tác giả và tác phẩm, em hãy nêu những nét chính về tác giả và tác phẩm <b>Đế chọi</b>.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b>  <b>GV</b> gọi 1 -&gt; 2 HS đọc phần giới thiệu về tác giả, tác phẩm (<i>SGK tr 22</i>).  <b>GV</b> cho HS làm việc cá nhân, đàm thoại, thuyết trình.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b>  <b>GV</b> gọi 1 -&gt; 2 HS trả lời câu hỏi, theo hình thức cá nhân.  <b>GV</b> gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b>  <b>GV</b> nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  <b>GV</b> ghi lên bảng nội dung cốt lõi (<i>HS có</i></p>	<p>→HS có kĩ năng đọc văn bản với thể loại tiêu biểu <i>Liêu Trai chí dị</i>.</p> <p>→HS lưu ý những từ ngữ khó dưới chân trang SGK tr 18, 19, 20, 21.</p> <p><b>2. Tác giả, tác phẩm</b></p> <p>→<b>Tác giả</b>: Bô Tùng Linh (1640 – 1715) là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc thời nhà Thanh. Ông để lại một khối lượng lớn tác phẩm thuộc nhiều thể loại, trong đó, tiêu biểu nhất là <i>Liêu Trai chí dị</i>.</p> <p>→<b>Tác phẩm</b>: Bô Tùng Linh đã mượn chuyện thần tiên, ma quái, loài vật để phê phán mạnh mẽ nền chính trị và những thói hư tật xấu của xã hội Trung Quốc thời bấy giờ.</p> <p>- <i>Liêu Trai chí dị</i> là tập sách gồm gần 500 truyện, khai thác cốt truyện từ nhiều truyện dân gian và từ những truyện kì lạ,</p>
--	--

<p><i>thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết)</i></p> <p><b>Nhiệm vụ 3</b>  <b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>  <b>GV:</b> Qua phần đọc tiếp xúc văn bản và đọc văn bản ở nhà. Em hãy nêu các sự kiện tạo nên cốt truyện <i>Đế chọi</i> là gì?  <b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b>  GV cho HS làm việc cá nhân, tóm tắt cốt truyện, thời gian từ 4 -&gt; 5 phút.  GV theo dõi HS làm việc cá nhân, bao quát lớp, hỗ trợ khi cần thiết.  <b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b>  GV gọi 1 -&gt;2 HS trả lời câu hỏi, theo hình thức cá nhân.  GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  <b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b>  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (<i>HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết</i>)</p>	<p>hoang đường của một số tác giả thời trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liêu Trai chỉ dị được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Tập truyện bắt đầu được phổ biến ở Việt Nam từ thế kỉ XIX và cho đến nay đã có nhiều bản dịch khác nhau.</li> </ul> <p><b>3. Tóm tắt cốt truyện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vua ra lệnh tìm bắt, nuôi nấng đế chọi để cống nạp.</li> <li>- Bà đồng gù lưng chỉ điểm chỗ tìm đế chọi khõe.</li> <li>- Con trai Thành mở chậu để chạy mất, con trai ngã xuống giếng.</li> <li>- Con trai Thành vẫn còn sống nhưng thần thái đờ đẫn, ngây ngốc.</li> <li>- Nghe tiếng gáy của một con đế trong nhà, Thành đuổi theo, bắt được, hoá ra là một con đế nhỏ, nhưng có thể thắng bất cứ con nào, do đó Thành được quan thưởng.</li> <li>- Con đế được dâng lên vua, trong cung, nó trở thành con đế vô địch, thắng bất cứ con đế kì lạ nào; đã thế lại còn biết nhảy mỗi khi có nhạc nổi lên.</li> <li>- Các quan sau khi được vua trọng thưởng đã nâng đỡ để Thành đỗ được tú tài.</li> <li>- Hơn một năm sau, con trai Thành bình phục, kể rằng chính mình đã hoá thành con đế.</li> </ul>
--	---

**Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Học sinh thấy được cách sử dụng các yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, vai trò của yếu tố kì ảo đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm.
- Học sinh nắm bắt được diễn biến của câu chuyện mà trọng tâm là số phận của nhân vật

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

chính gắn với trò chơi chọi dê, qua đó, biết đánh giá giá trị hiện thực và ý nghĩa phê phán của tác phẩm.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề, thảo luận nhóm, kỹ thuật khăn trải bàn.

**c. Sản phẩm học tập:** Sử dụng phiếu học tập GV đánh giá, thu về lưu trữ trong hồ sơ học tập môn Ngữ văn.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV1:</b> Văn bản Dế chọi thuộc thể loại nào? Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?</p> <p><b>GV2:</b> Văn bản Dế chọi có thể được chia làm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì? (GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 1)</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>GV cho HS làm việc cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn hoàn thành phiếu học tập số 1; thời gian khoảng 5 -&gt; 6 phút. GV đi hỗ trợ các nhóm, nếu có yêu cầu và cần sự trợ giúp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b></p> <p>GV gọi 2 -&gt; 3 HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả học tập theo phiếu số 1.</p> <p>GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết)</p>	<p><b>II. Đọc chi tiết văn bản</b></p> <p><b>1. Đọc hiểu hình thức</b></p> <p>→ Văn bản Dế chọi thể loại: Truyện truyền kì</p> <p>- Phương thức biểu đạt là: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.</p> <p>→ Văn bản chia làm: 3 phần</p> <p>+ Phần 1: Từ đầu -&gt; <i>chỉ nghĩ tới việc tự tử</i>. (Tình cảnh ngang trái của Thành sau khi trượt khoa thi Đồng Tử).</p> <p>+ Phần 2: Tiếp -&gt; <i>vội bắt để bỏ vào lồng</i> (Con dê của Thành và chuỗi sự việc liên quan tới: con Thành chết, dê mất, hồn con Thành hoá thân vào con dê chọi)</p> <p>+ Phần 3: <i>Còn lại</i> (Nhờ dê chọi mà gia đình Thành đổi đời).</p> <p><b>2. Đọc hiểu nội dung</b></p> <p><b>2.1. Thời gian, không gian và sự việc liên quan đến nhan đề của truyện</b></p> <p>→ Nhận xét về không gian, thời gian, nhân vật chính trong truyện là:</p> <p>- <b>Không gian:</b> ngôi nhà của Thành,</p>
<p><b>Nhiệm vụ 2</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV1:</b> Em đã được tìm hiểu các sự kiện tạo nên cốt truyện (phần <i>đọc tiếp xúc văn bản</i>). Hãy nhận xét ngắn gọn về không gian, thời gian, nhân vật chính trong truyện là gì?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp 1 -1; thời gian từ 2 -&gt; 3 phút. GV sử dụng phương pháp gợi</p>	

mở, nêu vấn đề, thuyết trình.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 1 -> 2 HS xung phong trả lời câu hỏi.

GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết*).

**Nhiệm vụ 3**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV:** Vì để chơi mà gia đình Thành lâm vào cảnh ngộ như thế nào? Cũng nhờ để chơi mà sau đó gia đình Thành được hưởng những gì? Phân tích ý nghĩa của sự đối lập giữa hai tình huống.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV cho HS làm việc cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn hoàn nội dung câu hỏi yêu cầu. Thời gian từ 4 -> 5 phút. GV sử dụng phương pháp hỏi – đáp, thuyết trình, nêu tình huống có vấn đề và giải quyết vấn đề.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 1 ->2 HS đại diện các cặp đôi trả lời câu hỏi yêu cầu.

GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

điện thờ của bà đồng gù làm nghề bói toán, ngôi chùa có mộ cổ mà Thành đi tìm để, thôn nhỏ nơi Thành sinh sống, huyện Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây,...

- Thời gian: sinh hoạt đời thường của con người: con trai của Thành biến thành để chỉ “hơn một năm” và cũng chỉ “không quá vài năm”, nhờ được trọng thưởng và nâng đỡ, nhà Thành có cơ ngơi bề thế, giàu sang phú quý. Toàn bộ câu chuyện diễn ra trong thời điểm xác định của lịch sử (đời Tuyên Đức nhà Minh).

- Nhân vật với những thành phần khác nhau: các thành viên của gia đình Thành, bà đồng gù làm nghề bói toán, những người dân có liên quan đến chuyện bắt để, lí dịch, tri huyện, tuần phủ, vua. Truyện không có loại nhân vật thần tiên, ma quỷ. Duy nhất có đức con trai của Thành hoá thành để, đó là nhân vật liên quan đến yếu tố kì ảo ít ỏi trong truyện.

**2.2. Nhân vật Thành với hai tình huống đối lập (gia đình Thành phải chịu cảnh khốn khổ > < trở nên giàu sang, phú quý)**

- Vì để chơi mà gia đình Thành lâm vào cảnh ngộ: Quá hạn nộp để hơn mười ngày, anh ta đã bị quan “trách phạt” đánh đòn trăm gậy, nằm lẫn lộn trên giường, vị chức dịch “chỉ còn nghĩ đến chuyện tự tử mà thôi”, con trai vì làm để chết, bỏ trốn rơi xuống giếng khiến cha mẹ đau xót,...

- Cũng nhờ để chơi mà sau đó gia đình Thành được hưởng những điều sau:

+ Thành được miễn sai dịch, nâng đỡ

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết*).

**Nhiệm vụ 4**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

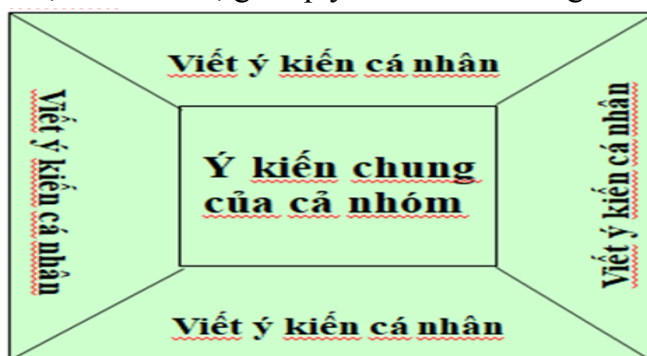
**GV1:** Truyện có những yếu tố kì ảo nào? Các yếu tố kì ảo đó có ý nghĩa, vai trò gì trong truyện?

**GV2:** Tính chất hiện thực của truyện được thể hiện qua những chi tiết, sự việc nào? Em có suy nghĩ gì về thái độ của tác giả khi miêu tả hiện thực đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn. Chia lớp thành các nhóm học tập (mỗi nhóm từ 4 -> 6 HS), trao cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0 (tương trưng cho khăn trải bàn) và bút dạ thảo luận trả lời câu hỏi, thời gian từ 5 -> 6 phút.

GV hỗ trợ các nhóm dùng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, giải quyết các tình huống.



**Các bước thực hiện:**

**B1.** Trưởng nhóm chia sẻ khăn trải bàn. Các thành viên có thể tự ghi ý kiến hoặc thư kí ghi chung.

để đầu tú tài.

+ Anh ta có “ruộng đồng trăm khoảnh, lâu gác nguy nga, trâu dê đầy đàn”. Ra khỏi nhà thì “áo cừ, ngựa xe vượt cả các bậc quyền thế”, giàu có, sang trọng.

- Ý nghĩa của sự đối lập giữa hai tình huống: tố cáo nên tội ác của cả một hệ thống cầm quyền thối nát chỉ biết ăn chơi hưởng thụ tàn ác trên mồ hôi xương máu của nhân dân. Coi nhân dân không bằng một con dê, khổ đau hay hạnh phúc phụ thuộc vào những điều hết sức nhỏ nhoi.

**2.3. Tính chất kì ảo và tính chất hiện thực trong truyện**

**a. Tính chất kì ảo**

- Truyện có những yếu tố kì ảo sau:

+ Bà đồng gù chỉ điểm nơi tìm thấy dê chọi

+ Chú dê chọi có hình dáng như con chó, cánh hoa mai, đầu vuông chân dài. Dê chọi nhảy xa hơn một thước.

+ Con trai Thành bị ngây ngốc như người gỗ, ngủ mê mết, sau một năm thì tỉnh dậy mà kể rằng mình hóa thân thành dê, khỏe mạnh chọi giỏi nên mới sống lại.

+ ...

- Các yếu tố kì ảo đó có vai trò và ý nghĩa trong truyện là:

+ Giúp câu chuyện phát triển lô gic, các sự kiện liên đới, phát triển theo ý đồ của tác giả.

+ Giúp người đọc hiểu rõ hơn về sự thật xót xa của nhân dân dưới xã hội phong

**B2.** Từng thành viên nhóm trình bày. Trưởng nhóm thể hiện ý kiến của từng người vào khăn theo từng cạnh của khăn trải bàn.

**B3.** Sau 2->3 phút làm việc cá nhân, nhóm trao đổi thống nhất ý kiến cả nhóm.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV cho các nhóm treo khăn trải bàn lên bảng hoặc xung quanh lớp học, sau đó các nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả.

GV gọi 1 vài HS ở các nhóm khác nhận xét, bổ sung nội dung của nhóm bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết*).

**Nhiệm vụ 5**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV1:** Phân tích lời người kể chuyện trong đoạn văn từ “*Thành giờ đi giờ lại*” đến “*kì hạn nộp quan*”.

**GV2:** Những đặc điểm nào của truyện truyền kì được thể hiện trong truyện *Dé chọi*?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm: nhóm 1, 3, 5 trả lời câu hỏi 1; nhóm 2, 4, 6 trả lời câu hỏi 2 (thời gian từ 4 -> 5 phút).

GV sử dụng phương pháp đàm thoại 1-1, gọi mở, nêu vấn đề, thuyết trình, hỗ trợ các nhóm khi cần sự trợ giúp.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 1, 3 trả lời câu hỏi 1 .

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 5 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 2, 4 trả lời câu hỏi 2.

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 6 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tự tìm ý*

kiến xưa.

+ ...

**b. Tính chất hiện thực**

- Tính chất hiện thực của truyện được thể hiện qua chi tiết: Thời gian xác định, địa danh cụ thể, vị thế và cách hành xử của nhân vật phản ánh đúng các quan hệ xã hội phong kiến,...

- Qua chi tiết trên tác giả muốn lên án và phê phán tội ác của hệ thống cầm quyền thối nát chỉ biết ăn chơi hưởng thụ đàn áp trên mồ hôi xương máu của nhân dân. Thái độ châm biếm tự nhiên.

**2.4. Lời người kể chuyện**

→Ngôi kể thứ 3

- Người kể chuyện với điểm nhìn toàn cảnh đã thể hiện tất cả mọi việc: hoàn cảnh, cảm giác, suy nghĩ và hành động của nhân vật Thành khi tìm bắt chú để chọi theo sự chỉ điểm của bà đồng lưng gù.

→Đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong truyện *Dé chọi* là:

+ Dùng yếu tố kì ảo làm phương thức để phản ánh hiện thực cuộc sống lúc



ghi vào vở viết).

**Nhiệm vụ 6**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV lồng ghép QP&AN:** Qua tác phẩm **Đế chọi** của **Bồ Tùng Linh** em cần phải có trách nhiệm như thế nào để tham gia vào việc xây dựng và bảo vệ **Tổ quốc**?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV cho HS làm việc cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn hoàn nội dung câu hỏi yêu cầu. Thời gian từ 4 -> 5 phút. GV sử dụng phương pháp hỏi – đáp, thuyết trình, nêu tình huống có vấn đề và giải quyết vấn đề.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 1 ->2 HS đại diện các cặp đôi trả lời câu hỏi yêu cầu.

GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết*).

**Nhiệm vụ 7**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV:** Qua phần đọc hiểu văn bản **Đế chọi** của **Bồ Tùng Linh** em rút ra được nội dung và nghệ thuật của truyện là gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV cho HS làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời nội dung câu hỏi yêu cầu.

GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi

bây giờ.

- + Cốt tuyện mô phỏng cốt truyện dân gian với các sự kiện được sắp xếp theo trật tự tuyến tính, có quan hệ nhân quả.
- + ...

→ **Trách nhiệm bảo vệ Tổ Quốc** chính là **sự trung thành với Tổ quốc, với chế độ Xã hội chủ nghĩa; tích cực trong học tập, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe; tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; ...**

**3. Tổng kết văn bản**

**3.1. Nghệ thuật**

Câu chuyện mang nhiều yếu tố hoang đường, một đặc trưng nổi bật trong bút pháp nghệ thuật của tập truyện. Câu chuyện đã tái hiện một mảng hiện thực đen tối của xã hội, vì thế truyện có giá trị hiện thực sâu sắc.

**3.2. Nội dung**

Đế chọi thuộc loại truyện đả kích chế độ chính trị tàn bạo, vạch mặt bọn quan lại tham nhũng, cường hào ác bá, đồng thời bày tỏ sự cảm thông đối với những con người “bé nhỏ” bị chà đạp, hãm hại. Qua đó, truyện thể hiện tinh

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý  
hiểu của bản thân).

thần phê phán chế độ chính trị tàn bạo  
đương thời.

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm/cá nhân: ..... Lớp 9 ...

Stt	Yêu cầu	Chi tiết, nội dung	Đánh giá	
			Đ	CD
1	Văn bản <b>Dế chọi</b> thuộc thể loại nào?			
2	Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?			
3	Văn bản được chia làm mấy phần? .....			
4	Phần 1 từ đầu đến			
	Nội dung phần 1	..... .....		
5	Phần ... tiếp đến			
	Nội dung phần ...	..... .....		
6	Phần ... tiếp đến			
	Nội dung phần ...	..... .....		
7	Phần ... tiếp đến			
	Nội dung phần ...	..... .....		
<b>TỔNG CỘNG</b>				

### 3. Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** HS ôn lại kiến thức bài học **Dế chọi** để giải quyết các bài tập trắc nghiệm trong nội dung đọc hiểu văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, hợp tác, gợi mở, nêu vấn đề.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung các câu trả lời trắc nghiệm đúng nhất để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV&amp;HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
--------------------------------	-------------------------



- A. Thành có được vinh hoa phú quý nhờ có con đẻ chọi.  
**B.** Con đẻ chọi độc đáo là hóa thân của con trai Thành để gia đình anh có được vinh hiển, “vượt qua các bậc quyền quý”.  
 C. Thành là lí chính mà phải tự đi bắt đẻ, không có quyền lực.  
 D. Thành không buồn khi con ngây ngốc như người gỗ mà chỉ lo đến chuyện mất đẻ chọi.

**Câu 9:** Sức lan tỏa, bao quát của tác phẩm thể hiện ở khía cạnh nào?

- A. Phản ánh bộ mặt xã hội cũ đen tối, bạo tàn.  
**B.** Bi kịch của gia đình Thành là bi kịch chung của ngàn vạn gia đình khác ở thời điểm đó.  
 C. Tác phẩm gây được tiếng vang lớn trong bộ Liêu trai chí dị.  
 D. Nội dung tác phẩm khiến nhiều thế hệ người đọc vẫn còn ghi nhớ và để lại nhiều suy ngẫm.

**Câu 10:** Theo em, truyền kì Việt Nam khác gì so với truyền kì Trung Quốc?

- A. Truyền kì Việt Nam khác hoàn toàn về đặc trưng thể loại so với truyền kì Trung Quốc.  
**B.** Nội dung phản ánh trong truyền kì Việt Nam gắn liền với mạch nguồn văn hóa và lịch sử dân tộc, đặc biệt là gắn với văn học dân gian và văn xuôi lịch sử.  
 C. Truyền kì Việt Nam có nội dung vay mượn của truyền kì Trung Quốc nhưng được thể hiện dưới một hình thức nghệ thuật sáng tạo.  
 D. Truyền kì Việt Nam được viết bằng chữ Nôm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp 1-1. GV có thể gợi mở, nêu vấn đề.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 10 HS lên trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm, ưu tiên cho HS có câu trả lời nhanh nhất, hình thức giơ tay.

GV 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung bài tập của bạn (nếu chưa có đáp án đúng nhất).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung đáp án lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

→Đáp án trắc nghiệm:

- Câu 1: C  
 Câu 2: C  
 Câu 3: B  
 Câu 4: C  
 Câu 5: B  
 Câu 6: C  
 Câu 7: A  
 Câu 8: B  
 Câu 9: B  
 Câu 10: B

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (Thời gian nếu ở trên lớp không đảm bảo GV có thể cho HS về nhà thực hiện, tiết sau GV kiểm tra nội dung viết đoạn văn: Viết kết nối với đọc)

**Chuyển giáo nhiệm vụ:** Viết đoạn văn (khoảng 7 -> 9 câu) nêu nhận xét của em về tính chất kì ảo của truyện Đẻ chọi.

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Gợi ý:** Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu:

+ Nội dung: nhận xét về tính chất kì ảo của truyện *Dế chọi*.

+ Dung lượng: đoạn văn 7 -> 9 câu.

- Đoạn văn tham khảo:

Tính chất kì ảo là một trong những yếu tố đã làm nên thành công của truyện *Dế chọi*. Truyện có hai sự việc mang tính chất kì ảo. Sự việc thứ nhất là mảnh giấy do bà đồng gù ném ra sau khi vợ Thành sấm lễ đến xin bói, những hình vẽ trên mảnh giấy kia là sự chỉ dẫn kì lạ giúp Thành bắt được con dế quý. Sự việc thứ hai: sau khi làm chết con dế quý của cha, đưa con trai 9 tuổi của Thành đã hoá thân thành con dế, tuy nhỏ, nhưng có thể thắng bất cứ con dế kì lạ nào. Để thấy được ý nghĩa, vai trò của từng yếu tố kì ảo trong truyện, cần đặt nó vào mạch chuyện. Sự kiện thứ nhất xuất hiện lúc Thành đang lâm vào thế bế tắc: không làm sao mà tìm được con dế đạt tiêu chuẩn để nộp quan, khiến Thành rơi vào khốn đốn: bị đánh đập, o ép đến mức muốn tự tử. Mảnh giấy có tính chất chỉ dẫn của bà đồng gù đã giúp Thành tìm được con dế quý. Mặc dù con dế đó không nộp được cho quan (vì bị đưa con trai làm chết), nhưng có vai trò dẫn đến sự việc có tính chất kì ảo thứ hai: đưa con trai đã hoá thành một con dế để cứu cha. Như vậy, các yếu tố kì ảo trong truyện có quan hệ liên đới, cùng tập trung tháo gỡ bế tắc của nhân vật, đẩy câu chuyện phát triển theo chủ ý sáng tạo của tác giả.

**Dặn học sinh học bài ở nhà:** Xem lại bài đã học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt** (SGK tr 22, 23)

### TIẾT PPCT: 07

#### THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT DỄ NHẦM LẤN VÀ CÁCH PHÂN BIỆT

#### I. Mục tiêu

##### 1. Năng lực

##### 1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh hiểu được nguyên nhân gây ra sự nhầm lẫn, cách phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.

- Học sinh tránh sự nhầm lẫn trong nhận thức về nghĩa của các yếu tố và nghĩa của từ để sử dụng từ ngữ chính xác khi nói và viết.

**1.2. Năng lực chung** (Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của học sinh biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

**2. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ chia sẻ.

#### II. Thiết bị dạy học và học

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Máy tính, giấy A0, kế hoạch bài dạy (giáo án), phiếu bài tập. Dự kiến một số tình huống khó khăn có thể xảy ra với học sinh.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 9 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi...

### III. Tiến trình dạy học

#### 1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp gợi mở vấn đề, đàm thoại, trực quan.

**c. Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của học sinh.

#### d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> <b>GV:</b> Cho HS chỉ ra từ dùng sai trong các câu văn sau và sửa lại cho đúng. (1) Hai công ty đó đã được sát nhập từ năm ngoái. (2) Chưa chăm chỉ là yếu điểm của anh ấy. (3) Cô ấy sinh ra trong một gia đình tri thức.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc cá nhân, suy nghĩ độc lập sau đó trao đổi cặp đôi bạn ngồi cùng bàn học, thời gian từ 2 -&gt; 3 phút. GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, hỏi đáp, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 1 vài HS trả lời nội dung câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng. <i>GV ghi tên bài học lên bảng</i></p>	<p>→ Các từ dùng sai và phương án sửa lại: (1) sát nhập -&gt; sáp nhập (2) yếu điểm -&gt; điểm yếu (3) tri thức -&gt; trí thức</p> <p><b>Giới thiệu vào bài mới:</b> Ở tiết học trước, các em đã làm quen với tiết Thực hành tiếng Việt <b>Điện tích, điển cố</b>. Trong tiếng Việt sử dụng một số điển tích, điển cố có yếu tố Hán Việt rất dễ gây ra nhầm lẫn trong khi sử dụng. Hôm nay thầy (cô) trò ta tiếp tục tìm hiểu thêm <b>Một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn và cách phân biệt</b> đó là bài học của chúng ta hôm nay nhé!</p>

#### 2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

##### a. Mục tiêu

- Học sinh hiểu được nguyên nhân gây ra sự nhầm lẫn, cách phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.

- Học sinh tránh sự nhầm lẫn trong nhận thức về nghĩa của các yếu tố và nghĩa của từ để sử

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

dụng từ ngữ chính xác khi nói và viết.

**b. Nội dung:** Học sinh sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. Sử dụng phương pháp trực quan, dạy học theo mẫu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và kỹ năng phân tích, trình bày tự tin, mạch lạc.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 1 SGK Tr 22, 23. <b>BT1:</b> Phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt trong mỗi trường hợp: a, b, c, d.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS trao đổi cặp đôi ngồi cùng bàn, thời gian từ 2 -&gt; 3 phút. GV theo dõi và hướng dẫn học sinh làm bài tập, gợi mở cho HS kích hoạt kiến thức nền kết hợp với kiến thức tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu tại nhà.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 3 -&gt; 4 HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả bài tập 1. GV gọi 1 vài HS ở các cặp đôi khác để nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự rút ý chính ghi vào vở viết). GV nhận xét tinh thần làm việc của các cặp đôi nhiệt tình, sôi nổi, hiệu quả.</p>	<p><b>1. Một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn và cách phân biệt</b></p> <p><b>Bài tập 1 (SGK tr 22, 23)</b></p> <p>→Phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt trong mỗi trường hợp: a, b, c, d.</p> <p>a. <b>Sinh</b> trong <i>sinh thành</i> có nghĩa là “<b>đẻ</b>”; <b>sinh</b> trong <i>sinh viên</i> nghĩa là “<b>học trò</b>”.</p> <p>b. <b>Bá</b> trong <i>bá chủ</i> nghĩa là “<b>thủ lĩnh liên minh các chư hầu; làm lớn, xưng hùng</b>”; <b>bá</b> trong cụm từ <i>nhất hô bá ứng</i> nghĩa là “<b>trăm</b>”.</p> <p>c. <b>Bào</b> trong <i>đồng bào</i> nghĩa là “<b>thuộc cùng huyết thống</b>”; <b>bào</b> trong <i>chiến bào</i> nghĩa là “<b>áo dài ống tay rộng</b>”.</p> <p>d. <b>Bằng</b> trong <i>công bằng</i> nghĩa là “<b>ngang, đều</b>”; <b>bằng</b> trong <i>bằng hữu</i> nghĩa là “<b>bạn</b>”.</p>
<p><b>Nhiệm vụ 2</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 2 SGK Tr 23 <b>BT2:</b> Tìm một từ Hán Việt có yếu tố đồng âm khác nghĩa với yếu tố được in đậm trong các câu: a, b, c, d.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp</p>	<p><b>Bài tập 2 SGK tr 23</b></p> <p>a. Từ <i>kinh nghiệm</i> có yếu tố <b>kinh</b> (trải qua)</p>

<p>đôi để thảo luận làm bài tập 2. Thời gian khoảng 4 -&gt; 5 phút. GV hỗ trợ cho các cặp đôi có yêu cầu và bao quát lớp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 2 -&gt; 4 HS lên trình bày BT 2. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự ghi nội dung chọn lọc).</p> <p><b>Nhiệm vụ 3</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 3 SGK Tr 23.</p> <p><b>BT3:</b> Đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một từ tìm được ở bài tập 2.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc cá nhân để đặt câu với các từ đã cho ở gợi ý bài tập 2; thời gian từ 3 -&gt; 4 phút. GV theo dõi và hướng dẫn học sinh làm bài tập, gợi mở cho HS kích hoạt kiến thức nền kết hợp với kiến thức tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu tại nhà.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 3 -&gt; 4 HS lên trình bày kết quả bài tập 1 lần lượt câu: 1, 2, 3, 4. GV gọi 1 vài HS khác để nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự rút ý chính ghi vào vở viết).</p> <p><b>Nhiệm vụ 4</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> <b>GV:</b> Cho HS đọc Tri thức ngữ văn trong SGK (tr. 9); đọc khung Nhận biết một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn trong SGK (tr. 22 - 23) và cho biết: Các yếu tố Hán Việt nào thường dễ nhầm lẫn? Cho ví</p>	<p>đồng âm với <b>kinh</b> (gây kích động mạnh) trong từ <i>kinh ngạc</i>.</p> <p>b. Từ <i>kì vọng</i> có yếu tố <b>kì</b> (trông mong) đồng âm với <b>kì</b> (lạ, khác với bình thường) trong từ <i>kì lạ</i>.</p> <p>c. Từ <i>thích nghi</i> có yếu tố <b>nghi</b> (thích hợp) đồng âm với <b>nghi</b> (ngờ) trong từ <i>đa nghi</i>.</p> <p>d. Từ <i>hội ngộ</i> có yếu tố <b>ngộ</b> (gặp) đồng âm với <b>ngộ</b> (tỉnh, hiểu ra) trong từ <i>tỉnh ngộ</i>.</p> <p><b>Bài tập 3 SGK tr 23</b></p> <p>→Đặt câu với các từ đã gợi ý ở bài tập 2</p> <p>a. Trong cuộc sống, qua những lần vấp ngã, mỗi người cần rút ra <b>kinh nghiệm</b> cho bản thân.</p> <p>b. Tháng này, kết quả kinh doanh của công ty không được như <b>kì vọng</b> của mọi người.</p> <p>c. Dần dần, anh ấy đã <b>thích nghi</b> với điều kiện làm việc mới.</p> <p>d. Hai mươi năm sau khi ra trường, hôm nay bạn bè trong lớp mới có dịp <b>hội ngộ</b> đông đủ thế này.</p> <p><b>2. Tri thức tiếng Việt</b></p> <p><b>2.1. Một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn</b></p>
---	--



**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

<p>dụ. Nêu cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc theo cặp đôi, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 1 vài HS trả lời Một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn; Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn. GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (<i>HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài</i>).</p>	<p>- Các yếu tố Hán Việt đồng âm. Ví dụ: + kim1: tiền vàng (kim ngạch, kim hoàn); + kim2: ngày nay (cổ kim). - Các yếu tố Hán Việt gần âm. Ví dụ: tri thức, trí thức.</p> <p><b>2.2. Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn</b> - Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận. - Tra cứu từ điển.</p>
---	---

**3. Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng**

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về từ ngữ địa phương và mối quan hệ giữa từ toàn dân và từ địa phương.
- b. Nội dung:** Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm, trình bày rõ ràng. Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác.
- c. Sản phẩm:** Kết quả học tập của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1</b> <b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 4 SGK Tr 23. <b>BT4:</b> Những từ in đậm trong các câu a, b có yếu tố Hán Việt bị dùng sai. Hãy tìm hiểu nghĩa của các yếu tố đó để chỉnh sửa.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS trao đổi cặp đôi ngồi cùng bàn, thời gian từ 2 -&gt; 3 phút. GV theo dõi và hướng dẫn học sinh làm bài tập, gợi mở cho HS kích hoạt kiến thức nền kết hợp với kiến thức tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu tại nhà.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b></p>	<p><b>3. Luyện tập và vận dụng</b> <b>Bài tập 4 SGK tr 23</b></p>

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

<p>GV gọi 3 -&gt; 4 HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả bài tập 4.</p> <p>GV gọi 1 vài HS ở các cặp đôi khác để nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <p>GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tự rút ý chính ghi vào vở viết</i>).</p> <p>GV nhận xét tinh thần làm việc của các cặp đôi nhiệt tình, sôi nổi, hiệu quả.</p> <p><b>Nhiệm vụ 2</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV:</b> Cho HS đọc yêu cầu bài tập 5 SGK Tr 24</p> <p><b>BT5:</b> Nghĩa của từ <b>cải biên</b> khác với nghĩa của từ <b>cải biến</b> như thế nào? Điều gì tạo nên sự khác nhau về nghĩa giữa hai từ đó?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi để thảo luận làm bài tập 2. Thời gian khoảng 4 -&gt; 5 phút. GV hỗ trợ cho các cặp đôi có yêu cầu và bao quát lớp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b></p> <p>GV gọi 2 -&gt; 4 HS lên trình bày BT 5.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (<i>HS có thể tự ghi nội dung chọn lọc</i>).</p>	<p>→Hiệu nghĩa của các yếu tố Hán Việt bị dùng sai để chỉnh sửa lại cho đúng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Chính thể</i> có nghĩa là hình thức tổ chức của một nhà nước.</li><li>- <i>Chỉnh thể</i> có nghĩa là khối thống nhất gồm các bộ phận có quan hệ chặt chẽ không thể tách rời của một đối tượng.</li></ul> <p>=&gt;Câu a dùng từ <b>chỉnh thể</b>, câu b dùng từ <b>chính thể</b> thì mới đúng.</p> <p><b>Bài tập 5 SGK tr 24</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Cải biên:</b> sửa đổi hoặc biên soạn lại cho phù hợp với yêu cầu mới, thường dùng để nói về việc xử lí tác phẩm nghệ thuật cũ.</li><li>- <b>Cải biến:</b> làm cho biến đổi thành khác trước một cách rõ rệt; có thể dùng để nói về nhiều loại đối tượng.</li></ul> <p>=&gt; Hai từ trên có yếu tố chung là cải (đổi khác đi). Hai yếu tố riêng: biên (viết, soạn); biến (thay đổi, khác) quyết định sự khác nhau về nghĩa giữa hai từ cải biên và cải biến.</p>
--	--

**Dặn học sinh học bài ở nhà:** Xem lại bài đã học và soạn bài: **Sơn Tinh – Thủy Tinh** của (trích, Nguyễn Nhược Pháp)

### TIẾT PPCT: 8 VĂN BẢN

## SON TINH – THUY TINH

Trích, Nguyễn Nhược Pháp

### I. Mục tiêu

#### 1. Năng lực

**1.1. Năng lực đặc thù:** Học sinh cảm nhận được tình yêu cuộc sống, yêu con người và tình

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

thần lạc quan của nhà thơ thể hiện trong tác phẩm.

### 1.2. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

**2. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Kế hoạch bài dạy (giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Sách giáo khoa, sách bài tập Ngữ văn 9 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### 1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế bài học cho HS khắc sâu kiến thức nội dung kiế thức bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, trao đổi, chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của học sinh.

#### d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV1: Chiếu cho HS xem video về truyện truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh <a href="https://www.youtube.com/watch?v=rqUCDDI4XqA">https://www.youtube.com/watch?v=rqUCDDI4XqA</a> GV2: Sau khi xem xong video, em có ấn tượng với nhân vật nào nhất? Vì sao em lại có ấn tượng với nhân vật đó?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS xem Video xong sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi và có thể gọi 2 - &gt; 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 2 -&gt; 3 HS chia sẻ những suy nghĩ, những trải nghiệm của bản thân về nhân vật trong truyện truyền thuyết <b>Sơn Tinh – Thủy Tinh</b>. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p>	<p>- HS làm việc cá nhân, cảm nhận qua video về nhân vật yêu thích nhất để chia sẻ với bạn bè và người thân. <b>Giới thiệu vào bài mới:</b> Chúng ta đã được học truyền thuyết <b>Sơn Tinh - Thủy Tinh</b> trong chương trình lớp 6 rồi phải không? Nhưng hôm nay, chúng ta</p>

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

GV lắng nghe từ những câu chuyện chia sẻ của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới. <b>GV ghi tên bài học lên bảng</b>	sẽ được tìm hiểu thông qua hình thức thể loại thơ. Văn bản <b>Sơn Tinh - Thủy Tinh</b> của tác giả Nguyễn Nhược Pháp.
---	---

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản**

- a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản và cần nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, vấn đáp
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời để đánh giá kết quả học tập.
- d. **Tổ chức thực hiện**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV&amp;HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>  <b>GV:</b> Hướng dẫn HS đọc văn bản này nên đọc với giọng vui tươi, trong sáng, dí dỏm. GV có thể đọc mẫu đoạn đầu, tiếp đó chỉ định một vài HS đọc tiếp những phần còn lại của bài thơ.  <b>GV:</b> Qua phần tìm hiểu được giao bài về nhà, em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả Nguyễn Nhược Pháp và tác phẩm <b>Sơn Tinh – Thủy Tinh</b> là gì?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b>  <b>GV</b> đọc diễn cảm bài thơ đoạn 1 (từ đầu -&gt; <i>lưng rộng uy nghi</i>), HS đọc diễn cảm 3 phần còn lại của bài thơ (Phần 2 tiếp -&gt; <i>gà nàng Mị Nương</i>; phần 3 tiếp -&gt; <i>quắp đuôi xông xao</i>; phần 4 còn lại).  <b>GV</b> cho HS làm việc cá nhân, gợi mở, nêu vấn đề trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b>  <b>GV</b> gọi 3 HS đọc 3 phần còn lại của bài thơ <b>Sơn Tinh – Thủy Tinh</b>  <b>GV</b> gọi 1 -&gt;2 HS trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm <b>Sơn Tinh – Thủy Tinh</b>  <b>GV</b> gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận nhận định</b>  <b>GV</b> nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p><b>I. Đọc tiếp xúc văn bản</b>  <b>1. Đọc văn bản</b></p> <p>→HS có kĩ năng đọc bài thơ 7 chữ được chuyển thể từ truyện truyền thuyết <b>Sơn Tinh – Thủy Tinh</b> của Nguyễn Nhược Pháp</p> <p><b>2. Tác giả, tác phẩm</b>  →<b>Tác giả:</b> Tác giả Nguyễn Nhược Pháp (1914 - 1938) quê ở Hà Nội. Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại như: kịch, truyện ngắn, thơ. Những bài thơ tiêu biểu như: Ngày xưa; Chùa Hương;...  - Bài thơ: Sơn Tinh - Thủy Tinh được đánh giá là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nguyễn Nhược Pháp.  →<b>Tác phẩm:</b> Bài thơ “Sơn Tinh – Thủy</p>

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi ( <i>HS có thể tự rút ý chính để viết vào vở</i> )	Tinh” trích trong tập thơ “Hoa một mùa”, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2018, tr.217-223.
---	--

**Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản**

- a. Mục tiêu:** Học sinh cảm nhận được tình yêu cuộc sống, yêu con người và tinh thần lạc quan của nhà thơ thể hiện trong tác phẩm.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, nêu vấn đề, gợi mở, hợp tác, thuyết trình.
- c. Sản phẩm học tập:** Dùng phiếu học tập và bảng đánh giá kết quả trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV1:</b> Văn bản <i>Sơn Tinh – Thủy Tinh</i> thuộc thể loại nào? Phương thức biểu đạt chính là gì? Em hãy nêu chủ đề chính của văn bản <i>Sơn Tinh – Thủy Tinh</i> của tác giả Nguyễn Nhược Pháp.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>GV cho HS làm việc theo cá nhân. Trao đổi cặp đôi bạn ngồi cùng bàn, thời gian từ 3 -&gt; 4 phút.</p> <p>GV hỗ trợ các cặp đôi, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b></p> <p>GV gọi 1 -&gt;2 HS trả lời yêu cầu của câu hỏi.</p> <p>GV gọi 1 vài HS khác nhận xét và bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <p>GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p> <p>GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tự tìm ý chính ghi vào vở viết</i>).</p> <p><b>Nhiệm vụ 2</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV:</b> Nêu những điểm giống nhau và khác nhau về cốt truyện, cách kể giữa truyện thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> với bài thơ cùng tên của Nguyễn Nhược Pháp. (<i>GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 1</i>)</p>	<p><b>II. Đọc chi tiết văn bản</b></p> <p><b>1. Đọc hiểu hình thức</b></p> <p>→ Thể loại: Thơ 7 chữ</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.</p> <p>- Chủ đề: Giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.</p> <p><b>2. Đọc hiểu nội dung</b></p> <p><b>2.1. Sáng tạo của nhà thơ từ truyện truyền thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh”</b></p> <p>→ <b>Giống nhau:</b> Cả hai văn bản đều có cốt truyện là Sơn Tinh và Thủy Tinh đều muốn lấy Mị Nương nhưng Sơn Tinh đến</p>

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV cho HS thảo luận cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn để hoàn thiện phiếu học tập số 1. Thời gian 6 -> 7 phút. GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề và đi hỗ trợ cho HS nào có khó khăn trong học tập cần giải quyết vấn đề.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện cho các cặp đôi trình kết quả theo phiếu học tập số 1.

GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).

trước lấy được Mị Nương. Thủy Tinh đến sau không lấy được nàng rất tức giận cho nên đánh nhau với Sơn Tinh. Nhưng cuối cùng Thủy Tinh đều thua. Hàng năm sự việc này đều diễn ra nhưng Thủy Tinh đều thua.

- **Khác nhau:**

**a. Yếu tố cốt truyện**

\* Truyền thuyết: *Sơn Tinh, Thủy Tinh*

- Không miêu tả cụ thể hình ảnh của các nhân vật.

- Nhân vật Mị Nương chỉ được miêu tả vẻ ngoài qua còn không có lời thoại hành động cụ thể.

\* Bài thơ: *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp)

- Miêu tả cụ thể:

+ Mị Nương: Tóc xanh viền má hây hây...

+ Sơn Tinh: một mắt ở trán...

+ Thủy Tinh: râu ria quăn xanh rì...

- Nhân vật Mị Nương có những lời nói, sự ảnh hưởng đến cốt truyện:

+ Vua Hùng hỏi Mị Nương muốn chọn ai thì Mị Nương bèn nói “Nhân duyên cúi để quyền mẹ cha”.

+ Khi Thủy Tinh thể hiện khiến bò lợn, cột nhà trôi theo. Mị Nương đã sợ hãi và Sơn Tinh thể hiện sự bình tĩnh khi trấn an Mị Nương “Nàng đừng lo”.

+ Khi Sơn Tinh và Thủy Tinh đánh nhau thì Mị Nương cũng đã thốt lên “Ôi, tại ta...”

**b. Yếu tố cách kể chuyện**

\* Truyền thuyết: *Sơn Tinh, Thủy Tinh*

- Sử dụng văn xuôi. Đơn thuần là kể lại câu chuyện.

\* Bài thơ: *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp)

- Sử dụng các câu thơ bảy chữ, kèm những hình ảnh, biện pháp tu từ, kèm cả

<p><b>Nhiệm vụ 3</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV1:</b> Em hãy tìm các chi tiết miêu tả chân dung các nhân vật: Mị Nương, Vua Hùng, Sơn Tinh, Thủy Tinh. Cách miêu tả như vậy có gì thú vị so với các nhân vật trong truyền thuyết?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn học để chia sẻ trải nghiệm của bản thân, thời gian từ 3 -&gt; 4 phút. GV theo dõi HS làm việc cá nhân, cặp đôi, bao quát lớp, hỗ trợ khi cần thiết.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b></p> <p>GV gọi 1 -&gt;2 HS trả lời câu hỏi, theo hình thức cá nhân.</p> <p>GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (<i>HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết</i>)</p>	<p>những từ ngữ bộc lộ cảm xúc với các nhân vật.</p> <p><b>2.2. Chân dung các nhân vật trong bài thơ</b></p> <p>- Mị Nương: xinh như tiên, tóc xanh, viền má hồng hồng, miệng hé thắm như san hô, tay trắng nõn, hai chân nhỏ, bao người mê, ...</p> <p>- Vua Hùng: nhìn con yêu quá, âu yếm nhìn con yêu, nghĩ lâu hơn bàn việc nước,...</p> <p>- Sơn Tinh: lòng thơ vương, một mắt ở trán, phi bạch hổ trên cạn, cười “xin nàng đừng lo”, vung tay niệm chú,...</p> <p>- Thủy Tinh: râu ria quăn xanh rì, bắt quyết, hô mây to nước cả, ...</p> <p>→ Cách khắc họa nhân vật của Nguyễn Nhược Pháp rất thú vị: nhân vật hiện ra sinh động, gần gũi trong hành động, lời nói, suy nghĩ, tâm trạng. Nhân vật được miêu tả theo hướng hiện đại hoá, ai cũng đáng yêu, dễ mến.</p>
<p><b>Nhiệm vụ 4</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV1:</b> Phép thuật của Sơn Tinh và Thủy Tinh thể hiện cụ thể như thế nào? Theo em, người kể chuyện có bộc lộ thái độ thiên vị đối với nhân vật nào không? Dựa vào đâu em kết luận như vậy?</p> <p><b>GV2:</b> Cảnh giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh được nhà thơ miêu tả bằng những chi tiết nào? Phân tích một chi tiết gây ấn tượng mạnh đối với em.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm; nhóm 1, 3, 5 làm câu hỏi 1;</p>	<p><b>2.3. Phép thuật của Sơn Tinh, Thủy Tinh</b></p> <p>→ Phép thuật của Sơn Tinh và Thủy Tinh: + Sơn Tinh: “Vung tay niệm chú, núi</p>





**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

<p>GV cho HS mang kết quả lên bảng treo cho cả lớp theo dõi kết quả của 6 nhóm. GV gọi 3 HS của 3 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. GV gọi 3 HS nhóm khác lên nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của nhóm bạn</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).</p>	<p>→ Xây dựng hình tượng nhân vật dáng dấp thần linh, với nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo. Cách kể chuyện qua những vần thơ đầy lời cuốn, hấp dẫn.</p> <p><b>3.2. Nội dung:</b> “Sơn Tinh, Thủy Tinh” là câu chuyện tưởng tượng kì ảo, giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.</p>
---	---

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Nhóm/cá nhân: ..... Lớp 9 ....

Yếu tố	Truyện thuyết: Sơn Tinh, thủy tinh	Bài thơ: Sơn Tinh, Thủy Tinh (Nguyễn Nhược Pháp)	Đánh giá		
			Đ	Đ	T
<b>a. Giống nhau:</b> .....					
.....					
.....					
.....					
.....					
.....					
.....					
.....					
<b>b. Khác nhau:</b>					
<b>Cốt tuyện</b>	.....	.....			
	.....	.....			
	.....	.....			
	.....	.....			
	.....	.....			
	.....	.....			
	.....	.....			
	.....	.....			
	.....	.....			
	.....	.....			

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

	..... .....	..... .....			
<b>Cách kể chuyện</b>	..... ..... ..... ..... ..... ..... ..... .....	..... ..... ..... ..... ..... ..... ..... .....			
<b>TỔNG CỘNG</b>					

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại nội dung của bài học khắc sâu tính chất kì ảo có cùng chủ đề khác thể loại trong văn học.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương hợp tác, tổ chức chơi trò chơi, gợi mở, nêu tình huống, giải quyết vấn đề.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của học sinh đánh giá hoạt động học tập trên lớp.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV: Tính chất kì ảo thể hiện như thế nào trong câu chuyện được kể bằng thơ? Cách miêu tả những yếu tố kì ảo có gì đặc sắc?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn ngồi cùng bàn học. Thời gian 3 -&gt; 4 phút. GV gợi mở, nêu vấn đề, hỗ trợ những HS cần sự trợ giúp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 1 -&gt;2 HS trình bày kết quả câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 -&gt;2 HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.</p>	<p><b>III. Luyện tập</b></p> <p>→ Tính chất kì ảo được thể hiện: + Qua ngoại hình của Sơn Tinh: Ba mắt. + Phương tiện di chuyển của các thần: Cưỡi trên con thú – rồng, hổ. + Các phép của hai vị thần như hô mưa gọi gió và phép tạo núi chặn dòng nước... - Cách miêu tả yếu tố kì ảo đặc sắc ở chỗ có thêm rất nhiều chi tiết về các con vật đặc trưng ở trên cạn và dưới nước cùng tham gia giao tranh, kết hợp với</p>

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).	các động từ mạnh. Tạo nên một trận chiến kì ảo đầy sức hấp dẫn.
---	---

### 4. Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học lí giải được sức hấp dẫn của nhan đề bài thơ để kết nối với đọc.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, giải quyết vấn đề

**c. Sản phẩm học tập:** Có kĩ năng lí giải được sức hấp dẫn của nhan đề bài thơ.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV: Theo em, điều gì làm nên sức hấp dẫn của bài thơ <i>Son Tinh – Thủy Tinh</i>? Vì sao?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc cá nhân suy ngẫm trải nghiệm của bản thân, thời gian 3 -&gt; 4 phút. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 1 -&gt;2 HS trình bày kết quả câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung của bạn (nếu có).</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, đánh giá</b> GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).</p>	<p><b>IV. Vận dụng</b></p> <p>→<b>Gợi ý:</b> Điều làm nên sức hấp dẫn của bài thơ đó là việc tác giả đã sử dụng các câu thơ bảy chữ, kết hợp với việc miêu tả rất chi tiết hình ảnh bên ngoài đến tài năng của hai vị thần. Như đang mở ra trước mắt người đọc bức tranh về cuộc chiến tranh của các vị thần trong huyền thoại. Thay vì chỉ kể về cốt truyện thì khi người đọc hình dung được chân dung của từng người cụ thể thì câu chuyện sẽ lôi cuốn và hấp dẫn hơn rất nhiều.</p>

**Dặn học sinh học bài ở nhà:** Xem lại bài đã học và soạn bài: **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)**

Giáo viên



Hoàng Văn Toán